TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 15-11-2019
V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Xuân Liêm**;

Ông **Võ Minh Diệp**.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông **Huỳnh Phước Quang** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam***: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 124/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Cao Văn A**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người làm chứng: Ông **Mai Văn H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà và ông Cao Văn A được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam giải quyết ly hôn tại Quyết định số: 420/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018. Theo Quyết định thì bà được nuôi 02 con là Cao Trí D, sinh năm 2012 và Cao Vũ Diệu L, sinh năm 2014. Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Cao Trí D mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau khi ly hôn đến nay việc trực tiếp nuôi dưỡng 02 con của bà gặp rất nhiều khó khăn, do bà không có điều kiện về thời gian để đưa đón con đi học nên phải nhờ người khác đưa đón cháu D đi học. Hơn nữa, hiện nay bà đang thiếu nợ nhiều người nên điều kiện kinh tế cũng không đảm bảo. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, giao cháu D cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Văn A trình bày: Ông và bà H đã ly hôn theo Quyết định số: 420/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Theo nội dung thỏa thuận trong Quyết định thì bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng. Bản thân ông hiện nay không có nhà ở nên phải thuê nhà trọ ở tạm thời, công việc của ông cũng không ổn định nên không đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cháu D. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H là giao cháu D cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Với nội dung như trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 124/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H về việc "Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" đối với bị đơn ông Cao Văn A. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 7 năm 2019, nguyên đơn bà Võ Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng việc Tòa án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của bà là không đúng pháp luật. Bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm, buộc ông Cao Văn A phải có nghĩa vụ, trách nhiệm trực tiếp nuôi cháu D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ

án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 124/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Đồng thời, bị đơn ông Cao Văn A cung cấp cho Tòa án kết quả xét nghiệm ADN do Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học BIONET Việt Nam thực hiện. Tuy nhiên, trong kết quả xét nghiệm này, Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học BIONET Việt Nam khẳng định mẫu xét nghiệm được thu không theo thủ tục tố tụng và kết quả xét nghiệm không được sử dụng cho thủ tục pháp lý. Do đó, Hội đồng xét xử không thể dùng kết quả xét nghiệm này để làm chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị H thì thấy:

[2.1] Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 420/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T thì bà H được giao nuôi 02 con chung là Cao Trí D, sinh năm 2012 và Cao Vũ Diệu L, sinh năm 2014. Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Cao Trí D mỗi tháng 1.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, bà H trực tiếp nuôi 02 con chung và ông A vẫn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà H cho rằng, do hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn, công việc phải làm xa nhà, bà không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Cao Trí D cho ông Cao Văn A trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì sau khi ly hôn, cả cha và mẹ đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, giữa bà H và ông A không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Theo như bà H trình bày thì hiện nay bà làm việc cách xa nhà *(bà H cung cấp Hợp đồng lao động làm việc tại Đà Nẵng)* nên việc đưa đón cháu D đi học hàng ngày phải thuê ông Mai Văn H thực hiện với số tiền 1.200.000 đồng/tháng. Mặt khác, hiện nay bà đang thiếu nợ nhiều người nên không đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cả 02 con. Trong khi đó, ông A

hiện nay đang có công việc làm ổn định tại Khu Công nghiệp T, thành phố T *(theo như ông A khai thì mức lương là 8.000.000 đồng/tháng)* nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cùng với bà H. Tại cấp phúc thẩm, cháu Cao Trí D trình bày có nguyện vọng được ở với ông Cao Văn A.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, nếu tiếp tục giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung sẽ không đảm bảo được điều kiện, gây ảnh hưởng đến quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các con. Do đó, xét thấy cần phải chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H, giao cho ông Cao Văn A trực tiếp nuôi cháu Cao Trí D cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Do bà H, ông A mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và cả hai người đều đủ điều kiện để nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H được chấp nhận nên bị đơn ông Cao Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và kháng cáo của bà Võ Thị H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị H, sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 124/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 69, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H đối với bị đơn ông Cao Văn A về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

Giao cháu Cao Trí D, sinh ngày 22/8/2012 cho ông Cao Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Võ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Cao Trí D.

Bà Võ Thị H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Văn A phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, bà Võ Thị H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0001117 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị H không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001279 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án *(ngày 15-11-2019)*.

Nơi nhận:
- TAND Tp. T;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Quốc Bảo